TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 822/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14/05/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu
2. Ông Đặng Văn Ẩn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 05 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 985/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 866/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/03/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1431/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/04/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh H1, sinh năm: 1973, (có đơn xét xử vắng mặt)
Số CCCD: 054173000078
Địa chỉ: 1 L, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Bành Kiện P, sinh năm: 1971, (vắng mặt)
Địa chỉ: căn hộ A, chung cư C, số A V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/10/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H1 trình bày:

Bà và ông B Kiện Phu tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996, đôi bên có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 năm. Do tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: có 03 con chung tên Bành Trọng N, nam, sinh ngày 04/04/1997; Bành Trọng K, nam, sinh ngày 31/12/1999 (tất cả đã trưởng thành) và Bành Tuệ M, nữ, sinh ngày 18/12/2011. Khi ly hôn bà Võ Thị Thanh H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M và không yêu cầu ông B Kiện Phu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bành Kiện P đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Võ Thị Thanh H1 yêu cầu ly hôn với ông Bành Kiện Phu . Đây là tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Bị đơn cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025;

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Bành Kiện P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 047 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/1996 thì bà Võ Thị Thanh H1 và ông Bành Kiện P là vợ chồng được pháp luật công nhận.

[6] Về nội dung: Xét lời trình bày của bà Võ Thị Thanh H1 nhận thấy giữa bà H1 với ông P trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp và đã ly thân nên bà H1 yêu cầu ly hôn với ông P để sớm ổn định cuộc sống.

[7] Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Bành Kiện P đến Tòa để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không đến. Hai lần triệu tập đến tham gia phiên Tòa ông

P vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông Bành Kiện P đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[8] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

[9] Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà H1 và ông P có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà H1 yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về con chung: có 03 con chung tên Bành Trọng N, nam, sinh ngày 04/04/1997; Bành Trọng K, nam, sinh ngày 31/12/1999 (tất cả đã trưởng thành) và Bành Tuệ M, nữ, sinh ngày 18/12/2011. Hiện tại trẻ Bành Tuệ M đang sống cùng với bà H1 nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ M và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Việc này phù hợp với nguyện vọng của trẻ Bành Tuệ Mẫn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H1, giao trẻ Bành Tuệ Mẫn cho bà Võ Thị Thanh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Bà Võ Thị Thanh H1 không yêu cầu ông B Kiện Phu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Ông Bành Kiện P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[13] Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[14] Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[15] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thanh H1 khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[17] Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thanh H1.

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh H1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/06/2025 quy định về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh H1:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh H1 được ly hôn với ông Bành Kiện P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 047 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/11/1996 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ Bành Tuệ M, nữ, sinh ngày 18/12/2011 cho bà Võ Thị Thanh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Bành Kiện P chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bành Kiện P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thanh H1 xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh H1 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0043044 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Võ Thị Thanh H1 đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 10;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới